

Số: 1788/QĐ-UBND

Chơn Thành, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v phê duyệt Giá đất cụ thể và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (đợt 14)

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHƠN THÀNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 138/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước);

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 147/NQ-CP ngày 20/9/2024 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 138/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước);

Công văn số 2617/QHPTTND-PPTTND ngày 16/12/2024 của Cục quy hoạch Phát triển tài nguyên đất về việc hướng dẫn vướng mắc khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐN ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc thông qua danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt dự án thành phần 5: dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Đắc Nông - Chơn Thành, phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắc Nông) - Chơn Thành (Bình Phước);

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi,

bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 3143/SoXD-QLHĐ&VLXD ngày 01/10/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai quý III năm 2025;

Căn cứ Báo cáo số 538/BC-STC ngày 08/10/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND thị xã Chơn Thành về việc phê duyệt dự án tái định cư dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước và dự án xây dựng đường cao tốc phía tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ khác đối với dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai về việc chuyển đổi sổ từ bản đồ địa chính các xã, phường, xã thuộc tỉnh Đồng Nai phục vụ cho công tác sáp nhập theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15;

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-CNCT ngày 21/07/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành về kế hoạch thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) trên địa bàn phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản thẩm định giá đất cụ thể để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (đợt 14) ngày 30/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể;

Căn cứ Biên bản Họp Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể để làm cơ sở thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (đợt 14) ngày 30/12/2025;

Trên cơ sở Công văn số 1290/TTPTQĐ.CNCT ngày 30/12/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) trên địa bàn phường Chơn Thành (đợt 14);

Xét kiến nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 953/TTr-PKHTĐT ngày 31/12/2025,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Giá đất cụ thể để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (đợt 14), cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Hệ số điều chỉnh (lần)	Giá đất (đồng/m <sup>2</sup> )	
			Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 hoặc Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ)	Cụ thể
<b>A</b>	<b>PHƯỜNG MINH THÀNH (CŨ) - KHU VỰC 1</b>			
<b>1</b>	<b>Giá đất trồng cây lâu năm</b>			
1.1	Vị trí 1 - Đường Hồ Chí Minh (Toàn tuyến)			
a)	Phạm vi 1	4,4462	350.000	1.556.000
1.2	Vị trí 2 - Đường Minh Thành - An Long (Đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 28) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 33)			
a)	Phạm vi 1	6,5591	197.000	1.292.000
1.3	Vị trí 3			
a)	Phạm vi 1	1,5275	179.000	273.000
b)	Phạm vi 2	1,5275	152.000	232.000
c)	Phạm vi 3	1,5275	152.000	232.000
1.4	Vị trí 4	1,5275	152.000	232.000
<b>2</b>	<b>Giá đất ở đô thị</b>			
2.1	Đường Hồ Chí Minh (Toàn tuyến)			
a)	Phạm vi 1	1,7892	4.000.000	7.157.000
2.2	Đường Minh Thành - An Long (Đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 28) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 33)			
a)	Phạm vi 1	1,7892	2.400.000	4.294.000
b)	Phạm vi 2	1,7892	1.200.000	2.147.000
c)	Phạm vi 3	1,7892	960.000	1.718.000
2.3	Đường nhựa, đường bê tông còn lại chưa được quy định cụ thể ở các mục trên			
a)	Phạm vi 1	1,3393	620.000	830.000
2.4	Các tuyến đường đất còn lại			
a)	Phạm vi 1	1,1843	590.000	699.000

**Điều 2.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây

đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (đợt 14), bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1, Điều 3, Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Có phương án kèm theo).

2. Bảng tổng hợp chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

(Có Bảng tổng hợp chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi kèm theo).

**Điều 3.** Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành, Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh) phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh) và các cơ quan có liên quan chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Văn phòng HĐND và UBND phường có trách nhiệm đăng tải Quyết định này lên Trang thông tin điện tử của UBND phường.

4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *H*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND phường;
- Lãnh đạo Văn phòng, CV: KT, CNTT;
- Công thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, CV: Nhân.

**CHỦ TỊCH**



*anh tai*  
**Nguyễn Anh Tài**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯỜNG AN**  
**BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN XÂY DỰNG ĐƯỜNG**  
**CAO TỐC BẮC - NAM PHÍA TÂY ĐOẠN GIA NGHĨA (ĐẮK NÔNG) - CHƠN**  
**THÀNH ( BÌNH PHƯỚC) ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN PHƯỜNG CHƠN THÀNH,**  
**TỈNH ĐỒNG NAI (ĐỢT 14)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1788/QĐ-UBND ngày 31/12/2025  
của UBND phường Chơn Thành)*

**I. Căn cứ pháp lý:**

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 138/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước);

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 147/NQ-CP ngày 20/9/2024 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 138/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước);

Công văn số 2617/QHPTTND-PPTTND ngày 16/12/2024 của Cục quy hoạch Phát triển tài nguyên đất về việc hướng dẫn vướng mắc khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc thông qua danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt dự án thành phần 5: dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Đắc Nông - Chơn Thành, phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắc Nông) - Chơn Thành (Bình Phước);

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025

của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 3143/SoXD-QLHĐ&VLXD ngày 01/10/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai quý III năm 2025;

Căn cứ Báo cáo số 538/BC-STC ngày 08/10/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND thị xã Chơn Thành về việc phê duyệt dự án tái định cư dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước và dự án xây dựng đường cao tốc phía tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ khác đối với dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai về việc chuyển đổi số tờ bản đồ địa chính các xã, phường, xã thuộc tỉnh Đồng Nai phục vụ cho công tác sáp nhập theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15;

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-CNCT ngày 21/07/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành về kế hoạch thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) trên địa bàn phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản thẩm định giá đất cụ thể để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (đợt 14) ngày 30/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể;

Căn cứ Biên bản Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể để làm cơ sở thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (đợt 14) ngày 30/12/2025.

Trên cơ sở Công văn số 1290/TTPTQĐ.CNCT ngày 30/12/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) trên địa bàn phường Chơn Thành (đợt 14).

**II. Số Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án: 50** hộ gia đình, cá nhân, gồm **54** thửa đất.

**III. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc của đất thu hồi; số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại:**

**1. Vị trí:** Dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) tại phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.

**2. Tổng diện tích đất: 49.514,7m<sup>2</sup>** (trong đó có 46.397,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và 3.117,1m<sup>2</sup> đất ở đô thị).

**3. Địa điểm:** Khu đất tọa lạc tại phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.

**4. Loại đất:** Đất trồng cây lâu năm và đất ở đô thị.

**5. Nguồn gốc đất:** Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**6. Số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại:** Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành lập.

- Nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất theo Giấy xác định số 22/GXĐ-UBND ngày 07/10/2025; Giấy xác định số 104, 105/GXĐ-UBND ngày 20/10/2025; Giấy xác định số 152/GXĐ-UBND ngày 23/10/2025; Giấy xác định số 171/GXĐ-UBND ngày 28/10/2025; Giấy xác định số 193/GXĐ-UBND ngày 10/11/2025; Giấy xác định số 200/GXĐ-UBND ngày 11/11/2025; Giấy xác định số 202/GXĐ-UBND ngày 14/11/2025; Giấy xác định số 210, 213, 215/GXĐ-UBND ngày 18/11/2025; Giấy xác định số 217/GXĐ-UBND ngày 19/11/2025; Giấy xác định số 219/GXĐ-UBND ngày 24/11/2025; Giấy xác định số 230/GXĐ-UBND ngày 25/11/2025; Giấy xác định số 239, 240, 241, 244, 256, 258, 262/GXĐ-UBND ngày 02/12/2025; Giấy xác định số 264, 288, 289/GXĐ-UBND ngày 09/12/2025; Giấy xác định số 291, 292, 294, 295, 296, 297, 298 302, 303, 305, 309, 310, 314/GXĐ-UBND ngày 15/12/2025; Giấy xác định số 315, 316, 317, 318, 319, 322, 323/GXĐ-UBND ngày 19/12/2025; Giấy xác định số 325, 327/GXĐ-UBND ngày 20/12/2025; Giấy xác định số 330, 331, 332, 333/GXĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND phường Chơn Thành.

- Hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Giấy xác nhận số 263, 266, 269, 288/GXN-UBND ngày 22/10/2025; Giấy xác nhận số 302, 304, 307, 311, 315/GXN-UBND ngày 28/10/2025; Giấy xác nhận số 363/GXN-UBND ngày 18/11/2025; Giấy xác nhận số 368/GXN-UBND ngày 19/11/2025; Giấy xác nhận số 383/GXN-UBND ngày 25/11/2025; Giấy xác nhận số 394/GXN-UBND ngày 01/12/2025; Giấy xác nhận số 396, 397, 398, 401, 413, 415, 419/GXN-UBND ngày 02/12/2025; Giấy xác nhận số 423, 424/GXN-UBND ngày 09/12/2025; Giấy xác nhận số 439, 441, 443/GXN-UBND ngày 15/12/2025; Giấy xác nhận số 452, 453, 454/GXN-UBND ngày 19/12/2025; Giấy xác nhận số 457, 459/GXN-UBND ngày 20/12/2025; Giấy xác nhận số 481/GXN-UBND ngày 29/12/2025 của UBND phường Chơn Thành.

**IV. Giá đất tính bồi thường, giá nhà, công trình tính bồi thường, số nhân khẩu, số lao động trong độ tuổi, số lượng người được hưởng trợ cấp xã hội; chính sách hỗ trợ:**

**1. Đơn giá bồi thường đất:** Thực hiện theo Văn bản thẩm định giá đất cụ thể để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Xây dựng

đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

TT	Hạng mục	Hệ số điều chỉnh (lân)	Giá đất (đồng/m <sup>2</sup> )	
			Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 hoặc Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ)	Cụ thể
<b>A</b>	<b>PHƯỜNG MINH THÀNH (CŨ) - KHU VỰC 1</b>			
<b>1</b>	<b>Giá đất trồng cây lâu năm</b>			
1.1	Vị trí 1 - Đường Hồ Chí Minh (Toàn tuyến)			
a)	Phạm vi 1	<b>4,4462</b>	<b>350.000</b>	<b>1.556.000</b>
1.2	Vị trí 2 - Đường Minh Thành - An Long (Đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 28) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 33)			
a)	Phạm vi 1	<b>6,5591</b>	<b>197.000</b>	<b>1.292.000</b>
1.3	Vị trí 3			
a)	Phạm vi 1	<b>1,5275</b>	<b>179.000</b>	<b>273.000</b>
b)	Phạm vi 2	<b>1,5275</b>	<b>152.000</b>	<b>232.000</b>
c)	Phạm vi 3	<b>1,5275</b>	<b>152.000</b>	<b>232.000</b>
1.4	Vị trí 4	<b>1,5275</b>	<b>152.000</b>	<b>232.000</b>
<b>2</b>	<b>Giá đất ở đô thị</b>			
2.1	Đường Hồ Chí Minh (Toàn tuyến)			
a)	Phạm vi 1	<b>1,7892</b>	<b>4.000.000</b>	<b>7.157.000</b>
2.2	Đường Minh Thành - An Long (Đoạn từ Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 28) đến Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 33)			
a)	Phạm vi 1	<b>1,7892</b>	<b>2.400.000</b>	<b>4.294.000</b>
b)	Phạm vi 2	<b>1,7892</b>	<b>1.200.000</b>	<b>2.147.000</b>
c)	Phạm vi 3	<b>1,7892</b>	<b>960.000</b>	<b>1.718.000</b>
2.3	Đường nhựa, đường bê tông còn lại chưa được quy định cụ thể ở các mục trên			
a)	Phạm vi 1	<b>1,3393</b>	<b>620.000</b>	<b>830.000</b>
2.4	Các tuyến đường đất còn lại			
a)	Phạm vi 1	<b>1,1843</b>	<b>590.000</b>	<b>699.000</b>

**2. Khu vực, vị trí, phạm vi, loại đường phố của thửa đất:** Thực hiện theo Mảnh trích đo địa chính thửa đất, bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của từng thửa đất do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ)

phê duyệt và Phiếu xác định khu vực, vị trí, phạm vi thửa đất do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành thực hiện và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

**3. Đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và cây trồng trên đất:** Thực hiện theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ) quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:** Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai: “*Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 109 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2024/QH15, số 84/2024/QH15, số 93/2024/QH15 và số 95/2024/QH15 khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường và được bồi thường bằng tiền thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền, với mức hỗ trợ bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương quy định tại Điều 176 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2024/QH15, số 84/2024/QH15, số 93/2024/QH15 và số 95/2024/QH15.*”.

- Hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại địa bàn phường Chơn Thành: **32** hộ gia đình, cá nhân gồm **35** thửa đất, trong đó:

+ Số hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: **30** hộ gia đình, cá nhân gồm **33** thửa đất (Theo các Giấy xác nhận số 263, 266, 269, 288/GXN-UBND ngày 22/10/2025; Giấy xác nhận số 302, 304, 307, 311, 315/GXN-UBND ngày 28/10/2025; Giấy xác nhận số 363/GXN-UBND ngày 18/11/2025; Giấy xác nhận số 368/GXN-UBND ngày 19/11/2025; Giấy xác nhận số 383/GXN-UBND ngày 25/11/2025; Giấy xác nhận số 394/GXN-UBND ngày 01/12/2025; Giấy xác nhận số 396, 397, 398, 401, 413, 415, 419/GXN-UBND ngày 02/12/2025; Giấy xác nhận số 423/GXN-UBND ngày 09/12/2025; Giấy xác nhận số 439, 441, 443/GXN-UBND ngày 15/12/2025; Giấy xác nhận số 452, 453, 454/GXN-UBND ngày 19/12/2025; Giấy xác nhận số 457, 459/GXN-

UBND ngày 20/12/2025; Giấy xác nhận số 481/GXN-UBND ngày 29/12/2025 của UBND phường Chơn Thành).

+ Số hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp: **02** hộ gia đình, cá nhân gồm **02** thửa đất.

- Hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú ngoài địa bàn phường Chơn Thành: **18** hộ gia đình, cá nhân gồm **19** thửa đất, trong đó:

+ Số hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: **01** hộ gia đình, cá nhân gồm **02** thửa đất (Theo Giấy xác nhận nhân khẩu số 724/CAP-CSKV ngày 11/11/2025 của Công an phường Minh Hưng).

+ Số hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp: **17** hộ gia đình, cá nhân gồm **17** thửa đất.

**\* Số hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ: 31 hộ gia đình, cá nhân gồm 35 thửa đất.**

### **5. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:**

Thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện theo Báo cáo số 538/BC-STC ngày 08/10/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 9 năm 2025. Giá gạo thường trung bình tháng 9/2025 là: 18.000 đồng/kg (Nhân khẩu được hỗ trợ số tiền tương đương 30kg gạo/tháng theo giá gạo trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương).

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 18.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 540.000 đồng/tháng.

**\* Số nhân khẩu được hỗ trợ: 00 nhân khẩu.**

**6. Khen thưởng:** Thực hiện theo khoản 4 Điều 15 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**\* Số hộ gia đình, cá nhân được khen thưởng: 13 hộ gia đình, cá nhân gồm 13 thửa đất.**

**7. Hỗ trợ chi phí di chuyển:** Thực hiện theo khoản 1 Điều 8 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**\* Số hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ chi phí di chuyển: 04 hộ gia đình, cá nhân gồm 04 thửa đất.**

**V. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác Bồi thường, hỗ trợ và lập hồ sơ dự án theo chính sách quy định của Nhà nước là 53.240.464.312 đồng, trong đó:**

**a) Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 51.440.062.137 đồng, trong đó:**

- Bồi thường về đất:	36.545.514.100 đồng.
- Bồi thường về nhà, công trình:	3.426.050.529 đồng.
- Bồi thường cây trồng:	1.112.195.958 đồng.
- Di chuyển:	184.000.000 đồng.
- Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm:	9.940.301.550 đồng.
- Khen thưởng:	232.000.000 đồng.

**b) Chi phí phục vụ công tác BTHT (3,5%): 1.800.402.175 đồng.**

*(Kèm theo bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết của từng người có đất thu hồi dự án: Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua địa bàn phường Chơn Thành (đợt 14)).*

**c) Tái định cư: Tổng diện tích đất ở thu hồi là 3.117,1m<sup>2</sup>, trong đó:**

- Số hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện bố trí tái định cư: **06** hộ gia đình, cá nhân gồm **06** thửa đất, diện tích **136,6m<sup>2</sup>**.

- Số hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện bố trí tái định cư: **12** hộ gia đình, cá nhân gồm **12** thửa đất, diện tích **2.980,5m<sup>2</sup>**.

- Dự kiến số lô được bố trí: **31** lô.

- Địa điểm bố trí tái định cư: Tại dự án khu dân cư Thành Tâm (36 ha) theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND thị xã Chơn Thành (cũ) về việc phê duyệt dự án tái định cư dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước và dự án Xây dựng đường cao tốc phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

**VI. Nguồn kinh phí thực hiện dự án:** Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh.

**VII. Tiến độ thực hiện phương án:** Dự kiến thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng hết quý I năm 2026./M

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA TỪNG NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI**  
 Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây  
 đoạn桂 Nahia (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (Đợt 14)



*(Kèm theo Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Chơn Thành)*

STT	Số PACT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Địa chỉ chủ sử dụng	Thông tin thửa đất thu hồi								A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định											Tái định cư		Ghi chú
					Số tờ bản đồ				Diện tích đất thu hồi				Đất (đồng)	Nhà công trình (đồng)	Cây trồng (đồng)	Vật nuôi (đồng)	Di chuyển (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống thu hồi đất nông nghiệp (đồng)	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (đồng)	Khuyến thưởng (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng)	Tổng số ô được bố trí (ô)	Bố trí tại cụm TĐC - khu dân cư Thành Tâm, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai)	
					Số thửa	Số thửa	Số thửa	Số thửa	Tổng đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )	Đất NN thu hồi (m <sup>2</sup> )															
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)
1	Số 285 - CT/PACT-CTGN-CT	Hồ ông Nguyễn Văn Tự và bà Nguyễn Thị Minh Phương	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	12	57	12	175	66,30	0,0	66,30	103.162.800	0	1.772.691	0	0	34.807.500	0	0	0	0	0	139.742.991	0	0
2	Số 286 - CT/PACT-CTGN-CT	Bà Mạc Thị Vân	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố 3A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai	030177017312	713	24	713	150	9,40	0,0	9,40	2.566.200	0	0	0	0	2.523.900	0	0	0	0	0	5.090.100	0	0
3	Số 287 - CT/PACT-CTGN-CT	Bà Mạc Thị Vân	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố 3A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai	030177017312	378	150	378	150	5.862,30	0,0	5.862,30	1.360.053.600	0	0	0	0	1.336.004.400	0	0	0	0	0	2.696.658.000	0	0
4	Số 288 - CT/PACT-CTGN-CT	Bà Nguyễn Thị Loan	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 3, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070175004044	67	29	67	155	118,30	15,9	102,40	200.575.400	190.153.701	0	0	10.000.000	30.259.200	0	0	0	16.000.000	0	446.988.301	Không đủ điều kiện	Không bố trí
5	Số 289 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Nguyễn Trung Học	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070081004619	92	28	92	154	564,30	41,0	523,30	1.107.691.800	35.970.349	26.367.925	0	0	0	0	0	0	20.000.000	0	1.190.030.074	Không đủ điều kiện	Không bố trí
6	Số 290 - CT/PACT-CTGN-CT	Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070192007377	443	28	443	154	808,30	0,0	808,30	220.665.900	0	15.900.216	0	0	217.028.550	0	0	0	0	0	453.594.666	0	0
7	Số 291 - CT/PACT-CTGN-CT	Hồ bà Phạm Thị Lý Hồng và ông Nguyễn Văn Khải	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 3, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070167000891 074064008943	296	29	296	155	5.995,40	400,0	5.595,40	8.946.856.800	329.145.027	182.247.715	0	0	1.653.440.700	0	0	0	20.000.000	0	11.131.690.242	Đủ điều kiện	Có bố trí
8	Số 292 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Hoàng Văn Thọ	Khu phố Minh Thành 3	Phường Thới Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh	038073029798	256	25	256	151	188,20	0,0	188,20	51.378.600	0	22.043	0	0	0	0	0	0	0	0	51.400.643	0	0
9	Số 293 - CT/PACT-CTGN-CT	Hồ bà Phạm Thị Dung và ông Phạm Duy Tuấn	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 2, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070156004089	147	29	16	351	251,40	0,0	251,40	324.808.800	20.315.038	296.746	0	0	74.288.700	0	0	0	0	0	419.709.284	0	0
10	Số 294 - CT/PACT-CTGN-CT	Bà Lê Thị Hằng và ông Dương Văn Tuấn	Khu phố Minh Thành 3	Phường Tân Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	038185032343 038085052492	237	25	237	151	11,90	0,0	11,90	3.248.700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.248.700	0	0
11	Số 295 - CT/PACT-CTGN-CT	Hồ ông Lê Văn Bằng và bà Nguyễn Thị Toàn	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070064000142	129	29	7	351	305,50	0,0	305,50	394.706.000	117.047.399	1.661.396	0	0	90.275.250	0	0	0	0	0	603.690.045	0	0
12	Số 296 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Đoàn Văn Thuận	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 3, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070092002100	203	29	1	352	133,30	0,0	133,30	172.223.600	107.797.808	0	0	0	39.390.150	0	0	0	0	0	319.411.558	0	0
13	Số 297 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Nguyễn Minh Khải và bà Trịnh Thị Hoàn	Khu phố Minh Thành 3	Xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hoá	038082035099	291	24	291	150	169,00	71,0	98,00	85.684.000	0	61.536	0	0	0	0	0	0	0	0	85.745.536	Đủ điều kiện	Có bố trí
14	Số 298 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Nguyễn Khoa Hoàng	Khu phố Minh Thành 3	Khu phố Hiếu Cảm, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	079071044661	34	25	34	151	2.547,70	0,0	2.547,70	695.522.100	0	87.875.255	0	0	684.057.450	0	0	0	0	0	1.467.454.805	0	0
15	Số 299 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Nguyễn Khoa Hoàng	Khu phố Minh Thành 3	Khu phố Hiếu Cảm, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	079071044661	70	24	70	150	4.826,10	200,0	4.626,10	1.402.725.300	0	167.150.338	0	0	1.242.107.850	0	0	0	0	0	2.811.983.488	Đủ điều kiện	Có bố trí
16	Số 300 - CT/PACT-CTGN-CT	Hồ ông Nguyễn Văn Hạnh và bà Tạ Thị Ngọc Thuận	Khu phố Minh Thành 3	Khu phố Minh Thành 4, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070055000506	16	25	16	151	1,60	0,0	1,60	371.200	0	0	0	0	364.800	0	0	0	0	0	736.000	0	0
17	Số 301 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Nguyễn Quang Lực	Khu phố Minh Thành 3	Khu phố Minh Thành 3, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	030079010223	606	150	606	150	1.189,10	0,0	1.189,10	275.871.200	0	66.129	0	0	271.114.800	0	0	0	0	0	547.052.129	0	0



STT	Số PACT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Địa chỉ chủ sử dụng	CCCD/CC	Thông tin thửa đất thu hồi							A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định											Tài định cư		Ghi chú
						BD trên GCNQSDĐ		Số tờ BD (Theo CV số 106/VPDK-KTDC ngày 08/7/2025 của VPĐKDD)		Diện tích đất thu hồi			Đất (đồng)	Nhà, công trình (đồng)	Cây trồng (đồng)	Vật nuôi (đồng)	Di chuyển (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống thu hồi đất nông nghiệp (đồng)	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (đồng)	Khuyến thưởng (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng)	Tổng số ô được bồi trí (ô)	Bồi trí tại cụm TĐC - khu dân cư Thành Tâm, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai)	
						Số thửa	Số tờ bản đồ	Số thửa	Số tờ bản đồ	Tổng đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )	Đất NN thu hồi (m <sup>2</sup> )														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)
18	Số 302 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Nguyễn Quang Lạc	Khu phố Minh Thành 3	Khu phố Minh Thành 3, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	030079010223	605	150	605	150	1.077,50	0,0	1.077,50	249.980.000	0	22.043	0	0	245.670.000	0	0	0	0	0	495.672.043	0	0
19	Số 303 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Võ Trường Thiện	Khu phố Minh Thành 3	Khu phố Minh Long 6, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai	040084022148	247	150	247	150	214,80	0,0	214,80	49.833.600	0	1.425.902	0	0	0	0	0	0	0	0	51.259.502	0	0
20	Số 304 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Trịnh Văn Hường và bà Hà Thị Thiệu	Khu phố Minh Thành 3	Phường Bến Cát, thành phố Hồ Chí Minh	038066011880 038168011585	258	25	258	151	728,60	0,0	728,60	198.907.800	0	705.376	0	0	0	0	0	0	0	0	199.613.176	0	0
21	Số 305 - CT/PACT-CTGN-CT	Bà Đỗ Thị Giem	Khu phố Minh Thành 1	Xã Yên Lạc, tỉnh Phú Thọ	0	143	29	143	155	85,80	0,0	85,80	110.853.600	87.874.797	0	0	0	0	0	0	0	0	0	198.728.397	0	0
22	Số 306 - CT/PACT-CTGN-CT	Hồ ông Nguyễn Văn Thành và bà Trần Thị Gái	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070069000840	66	29	66	155	380,10	80,0	300,10	731.249.200	177.619.082	11.137.230	0	0	88.679.550	0	0	0	20.000.000	1.028.685.062	Đủ điều kiện	Có bồi trí	
23	Số 307 - CT/PACT-CTGN-CT	Hồ ông Đặng Nguyễn Thương Khoa và bà Lê Thị Tuyết Hương	Khu phố Minh Thành 1	Phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	0	98	28	98	154	344,40	0,0	344,40	535.886.400	12.744.405	9.555.480	0	0	0	0	0	0	0	0	558.186.285	0	0
24	Số 308 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Hoàng Văn Thơ	Khu phố Minh Thành 3	Phường Thới Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	038073029798	248	25	248	151	38,00	0,0	38,00	10.374.000	0	44.086	0	0	0	0	0	0	0	0	10.418.086	0	0
25	Số 309 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Nguyễn Thành Trung	Khu phố Minh Thành 1	Phường Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh	026077005149	125	29	125	155	298,90	100,0	198,90	686.378.800	72.362.439	11.418.953	0	0	0	0	0	0	20.000.000	790.160.192	Đủ điều kiện	Có bồi trí	
26	Số 310 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Phạm Văn Tâm	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Đồng Tân, phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh	040089005459	45	155	45	155	4.811,30	600,0	4.211,30	1.647.684.900	103.051.433	150.752.516	0	58.000.000	0	0	0	0	20.000.000	1.979.488.849	Đủ điều kiện	Có bồi trí	
27	Số 311 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Hồ Minh Hồng và bà Đặng Thị Mỹ Chi	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 3, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070071001043	86	29	86	155	1.751,20	200,0	1.551,20	2.862.950.400	425.333.156	55.586.756	0	58.000.000	458.379.600	0	0	0	20.000.000	3.880.249.912	Đủ điều kiện	Có bồi trí	
28	Số 312 - CT/PACT-CTGN-CT	Bà Nguyễn Thị Thuý Dung	Khu phố Minh Thành 3	Phường An Lạc, thành phố Hồ Chí Minh	075176000697	37	20	37	146	303,20	0,0	303,20	82.773.600	0	10.438.733	0	0	0	0	0	0	0	0	93.212.333	0	0
29	Số 313 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Đào Xuân Vương và bà Lương Thị Thắm	Khu phố Minh Thành 3	Phường An Nhơn, Thành phố Hồ Chí Minh	038086005809 038187004721	301	25	301	151	332,20	0,0	332,20	90.690.600	0	183.989	0	0	0	0	0	0	0	0	90.874.589	0	0
30	Số 314 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Vũ Ngọc Ba và bà Lê Thị Thuý	Khu phố Minh Thành 3	Khu phố Minh Thành 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai Khu phố Minh Thành 3, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	038082013726 038183023842	273	25	273	151	84,30	0,0	84,30	19.557.600	0	204.585	0	0	19.220.400	0	0	0	0	0	38.982.585	0	0
31	Số 315 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Vũ Ngọc Ba và bà Lê Thị Thuý	Khu phố Minh Thành 3	Khu phố Minh Thành 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai Khu phố Minh Thành 3, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	038082013726 038183023842	271	25	271	151	580,50	0,0	580,50	158.476.500	0	1.898.954	0	0	155.864.250	0	0	0	0	0	316.239.704	0	0
32	Số 316 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Trịnh Hồ Minh Phúc	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố 6, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070207000318	83	155	83	155	690,10	100,0	590,10	1.191.809.200	18.073.247	22.765.564	0	0	174.374.550	0	0	0	20.000.000	1.427.022.561	Đủ điều kiện	Có bồi trí	



STT	Số PACT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất	Địa chỉ chủ sử dụng	CCCD/CC	Thông tin thửa đất thu hồi						A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định											Tài định cư		Chi chú	
						BD trên GCNQSDĐ		Số tờ BD (Theo CV số 196/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của VPĐKĐĐ)		Diện tích đất thu hồi		Đất (đồng)	Nhà, công trình (đồng)	Cây trồng (đồng)	Vật nuôi (đồng)	Di chuyển (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống thu hồi đất nông nghiệp (đồng)	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (đồng)	Khuyến thưởng (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng)	Tổng số ô được bố trí (ô)	Bổ trí tại cụm TĐC - khu dân cư Thành Tâm, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai)		
						Số thửa	Số tờ bản đồ	Số thửa	Số tờ bản đồ	Tổng đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )															Đất NN thu hồi (m <sup>2</sup> )
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)
47	Số 331 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Nguyễn Minh Hiệp	Khu phố Minh Thành 1	Phường Thới Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh	074082008729	310	29	310	155	109,40	19,9	89,50	40.950.500	0	3.630.842	0	0	0	0	0	0	4.000.000	48.581.342	Không đủ điều kiện	Không bố trí	
48	Số 332 - CT/PACT-CTGN-CT	Bà Đỗ Thị Thu Hằng	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	139	29	139	155	299,10	200,0	99,10	879.916.600	452.680.279	1.820.520	0	58.000.000	29.284.050	0	0	0	0	1.421.701.449	Đủ điều kiện	Có bố trí	
49	Số 333 - CT/PACT-CTGN-CT	Bà Nguyễn Thị Liễu	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070147003341	140	29	140	155	275,70	200,0	75,70	849.254.400	98.480.720	8.218.712	0	0	22.369.350	0	0	0	0	978.323.182	Đủ điều kiện	Có bố trí	
50	Số 334 - CT/PACT-CTGN-CT	Bà Nguyễn Thị Xuân	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070162000668	444	28	444	154	4.923,10	27,2	4.895,90	1.359.156.700	35.357.629	158.351.978	0	0	1.314.549.150	0	0	0	20.000.000	2.887.415.457	Không đủ điều kiện	Không bố trí	
51	Số 335 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Nguyễn Trọng Tùng (Nhân chuyển nhượng từ hồ sơ Nguyễn Văn Trung và bà Hoàng Thị Oanh theo hợp đồng chuyển nhượng số 004016, quyển số 04/2019/TP/CC-SCC/HGDĐ ngày 10/4/2019. Đã thực hiện nghĩa vụ tài chính ngày 17/5/2019)	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 4, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070066004022	6	57	6	175	1.960,70	0,0	1.960,70	3.050.849.200	0	0	0	0	1.029.367.500	0	0	0	0	4.080.216.700	0	0	
52	Số 336 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Nguyễn Văn Bích (Đã chết, chưa có người nhận thừa kế) Người đại diện: Con trai Nguyễn Minh Phương	Khu phố Minh Thành 3	Khu phố Minh Thành 3, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	12	25	12	151	686,00	0,0	686,00	187.278.000	0	19.444.011	0	0	0	0	0	0	0	206.722.011	0	0	
53	Số 337 - CT/PACT-CTGN-CT	Hồ bà Trần Thị Phụng và ông Nguyễn Văn Tánh	Khu phố Minh Thành 1	Phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh	0	71	29	71	155	267,40	0,0	267,40	345.480.800	0	0	0	0	0	0	0	0	0	345.480.800	0	0	
54	Số 338 - CT/PACT-CTGN-CT	Ông Nguyễn Thanh Dương	Khu phố Minh Thành 1	Khu phố Minh Thành 4, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	070073001949	96	29	96	155	32,40	0,0	32,40	41.860.800	0	0	0	0	9.574.200	0	0	0	0	51.435.000	0	0	
<b>Tổng</b>						<b>54</b>		<b>54</b>		<b>49.514,70</b>	<b>3.117,10</b>	<b>46.397,60</b>	<b>36.545.514.100</b>	<b>3.426.050.529</b>	<b>1.112.195.958</b>	<b>0</b>	<b>184.000.000</b>	<b>9.940.301.550</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>232.000.000</b>	<b>51.440.062.137</b>			